TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/DS-PT
Ngày: 25 - 5 - 2020.
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch
Bà Lê Thị Vân

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Nghị – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2020/TLPT-DS ngày 04/03/2020, về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐ-PT ngày 04/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 366/2020/QĐ-PT ngày 19/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; Cư trú tại: Thôn Trung Tâm, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Bà Đồng Thị T, sinh năm 1974; Cư trú tại: Thôn Tân Trung, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Đồng Thị T ủy quyền cho ông Trần Duy M, sinh năm 1994; Cư trú tại: Phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Phan Công S, sinh năm 1958; Cư trú tại: Thôn Trung Tâm, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Bà Đồng Thị T - Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Năm 2017 bà có bán cám các loại cho bà Đồng Thị T, theo thỏa thuận thì bà T lấy cám về nuôi gà và trong thời hạn 4 tháng sẽ Ttoán tiền một lần, cụ thể các lần bán cám như sau:

- Ngày 09/3/2017, 150 bao cám quy ra thành tiền là 42.500.000đ;
- Ngày 14/4/2017, 150 bao cám quy ra thành tiền là 42.500.000đ;
- Ngày 27/5/2017, 100 bao cám 423 x 280.000đ/bao = 28.000.000đ và 50 bao x 290.000đ/bao = 14.500.000đ;
- Ngày 25/6/2017, 150 bao cám x 280.000đ/bao = 42.000.000đ;
- Ngày 26/8/2017, mua cám bắp quy ra thành tiền là 22.980.000đ, trừ tiền mua gà 5.220.000đ bà T còn nợ lại bà số tiền là 17.760.000đ; Cũng trong ngày 26/8/2017 mua thêm 70 bao cám gà thành tiền là 19.600.000đ, bà Ttrả trước 10.600.000đ, còn nợ lại 9.000.000đ.

Tổng số tiền cám bà T đã mua của bà là 196.260.000đ. Ngày 23/10/2017 bà T có trả thêm cho bà số tiền 30.000.000đ. Hiện bà Tcòn nợ bà số tiền gốc là 166.260.000đ, bà đã đòi nhiều lần nhưng bà T không trả. Nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ttrả cho bà số tiền nợ gốc là 166.260.000đ và tiền lãi chậm trả từ tháng 8/2017 đến tháng 8/2019 (thời điểm xét xử sơ thẩm) là 166.260.000đ x 1%/tháng x 23 tháng = 38.239.800đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 204.499.800đ.

Đối với yêu cầu phản tố của bà T yêu cầu bà trả số tiền 11.623.500đ thì bà không đồng ý vì bà không nợ bà T.

Ý kiến của bị đơn bà Đồng Thị T: Từ năm 2017 bà có mua cám của bà Nguyễn Thị L để nuôi gà theo phương thức mua trước trả tiền sau là có thật. Tuy nhiên, số tiền nợ như bà L trình bày là chưa đúng. Từ năm 2017 bà có mua cám của bà L về nuôi gà là 08 lần, với tổng số tiền là 251.260.000đ. Quá trình mua bán bà đã T toán toàn bộ số tiền cám cho bà T và ông Sáu chồng bà T, thậm chí theo tính toán thì số tiền bà T toán cho bà L còn thừa 11.623.500đ. Quá trình T toán tiền mua cám thì hai bên không viết giấy tờ gì. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc là 166.260.000đ và tiền lãi chậm trả là 38.239.800đ thì bà không đồng ý.

Còn khoản tiền bà đã trả dư cho bà L là 11.623.500đ thì bà yêu cầu bà L phải trả lại cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Công S trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn. Việc bà T cho rằng có giao cho ông số tiền 40.000.000đ là không đúng. Vì mọi giấy tờ, sổ sách cũng như tiền bạc liên quan đến việc mua bán đều do vợ ông là bà L quản lý và trực tiếp giao dịch nên không có liên quan gì đến ông.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DSST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Đồng Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền cả gốc và lãi là 196.741.000đ.

2. Bác yêu cầu phản tố của bà Đồng Thị T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2019, bị đơn bà Đồng Thị T kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung của bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà T vẫn giữ nguyên kháng cáo. Viện kiểm sát không kháng nghị, các đương sự còn lại không kháng cáo đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đồng Thị T. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L buộc bà Đồng Thị T trả cho bà L số tiền 125.430.000đ (Trong đó nợ gốc là 106.000.000đ, lãi là 19.430.000đ). Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đồng Thị T, buộc bà Nguyễn Thị L trả cho bà T số tiền 5.220.000đ tiền mua gà. Buộc bà T phải chịu chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của T òa án là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Đồng Thị T:

2.1. Giữa bà L và bà T có mua bán cám các loại để nuôi gà là có xảy ra trên thực tế nhưng giữa các bên phát sinh tranh chấp về số lượng mua, số tiền đã trả và lãi suất.

2.2. Theo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng:

- Ngày 09/3/2017, 150 bao cám quy ra thành tiền là 42.500.000đ;
- Ngày 14/4/2017, 150 bao cám quy ra thành tiền là 42.500.000đ;
- Ngày 27/5/2017, 100 bao cám 423 x 280.000đ/bao = 28.000.000đ và 50 bao x 290.000đ/bao = 14.500.000đ;
- Ngày 25/6/2017, 150 bao cám x 280.000đ/bao = 42.000.000đ;
- Ngày 26/8/2017, mua cám bắp quy ra thành tiền là 22.980.000đ, trừ tiền mua gà 5.220.000đ bà T còn nợ lại bà số tiền là 17.760.000đ; Cũng trong ngày 26/8/2017 mua thêm 70 bao cám gà thành tiền là 19.600.000đ, bà Ttrả trước 10.600.000đ, còn nợ lại 9.000.000đ.

Tổng số tiền các lần mua cám là: 212.080.000đ. Trong đó bà T chỉ ký xác nhận cám vào các ngày 09/3, 14/4, 25/6, 26/8/2017 với tổng số tiền là 146.600.000đ. Đối với khoản nợ 22.980.000đ mua cám ngày 26/8/2017 và khoản nợ 42.500.000đ mua cám ngày 27/5/2017 không có chữ ký xác nhận của bà T và bà T không thừa nhận. Nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đối với hai khoản này.

2.3. Còn bà T cho rằng sau khi giao cám vài ngày bà T đã gom tiền trả cho bà L, chỉ còn nợ lại 03 lần với số tiền nợ là 126.000.000đ. Bà T đã trả cho

vợ chồng ông S, bà L số tiền 127.000.00đ, gồm 4 lần trả: (Lần 1: Trả cho bà L37.000.000đ; Lần 2: Trả cho bà L 20.000.000đ; Lần 3: Trả cho ông S chồng bà L 40.000.000đ; Lần 4: Trả cho bà L 20.000.000đ). Ngoài ra, bà L có mua gà của bà T 06 lần với tổng số tiền là 10.623.500đ nhưng chưa thanh toán tiền. Các lần trả tiền mặt hay mua gà giữa hai bên đều không ghi giấy tờ gì nên bà T không có tài liệu chứng cứ để cung cấp cho Tòa án và vợ chồng ông S, bà L không thừa nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

2.4. Số tiền bà T đã trả cho bà L và được bà L thừa nhận: Ngày 26/8/2017 trả 10.600.000đ; Ngày 26/8/2017 trả 5.220.000đ tiền mua gà; Ngày 23/10/2017 trả 30.000.000đ. Tổng cộng số tiền đã trả là 45.820.000đ.

Như vậy, bà T chỉ còn nợ lại bà Lệ: 146.600.000đ – 45.820.000đ = 100.780.000đ.

[3]. Về yêu cầu tính lãi suất: Mặt dù, giữa các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng trong tài liệu "giấy hợp đồng mua bán cám" lập ngày 09/3/2017 do bà Lcung cấp có thỏa thuận thời hạn trả tiền là 04 tháng trả 01 lần nhưng bà T không T toán tiền cho bà L đúng như cam kết. Căn cứ Điều 357, khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của bà L với mức lãi suất là 10%/năm. Do nguyên đơn không kháng cáo nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét tính lãi suất chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/8/2019, cụ thể:

- Ngày 09/3/2017, 150 bao cám quy ra thành tiền là 42.500.000đ; Đến hạn trả tiền là ngày 09/7/2017 – 21/8/2019: 42.500.000đ x 10%/ năm x 25 tháng 12 ngày = 8.956.450đ;

- Ngày 14/4/2017, 150 bao cám quy ra thành tiền là 42.500.000đ; Đến hạn trả tiền là ngày 14/8/2017 – 21/8/2019: 42.500.000đ x 10%/ năm x 24 tháng 07 ngày = 8.540.325đ;

- Ngày 25/6/2017, 150 bao cám x 280.000đ/bao = 42.000.000; Đến hạn trả tiền là ngày 25/10/2017 – 21/8/2019: 42.000.000đ x 10%/ năm x 21 tháng 26 ngày = 7.615.440đ;

- Ngày 26/8/2017, tiền cám gà 19.600.000đ; Bà Ttrả 10.600.000đ; còn nợ lại 9.000.000đ. Đến hạn trả tiền là ngày 26/12/2017 – 21/8/2019: 9.000.000đ x 10%/ năm x 19 tháng 25 ngày = 1.480.050đ.

Tổng tiền lãi suất là 26.592.000đ.

[4]. Từ những phân tích trên xét thấy cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã buộc bị đơn bà Đồng Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc và lãi là 196.741.000đ là chưa chính xác. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đồng Thị T, sửa án sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

Cụ thể: Khoản tiền gốc được chấp nhận là 100.780.000đ + lãi là 26.592.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 127.372.000đ.

[5]. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đồng Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền 11.623.500đ. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm giải quyết vụ án bà Tkhông cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho

yêu cầu của mình và bà L không thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T.

[6]. Về chi phí tố tụng: Đối với khoản tiền 5.000.000đ chi phí giám định chữ viết, chữ ký trong giấy nhận nợ đã được Phòng giám định kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng xác định là chữ viết và chữ ký của bà T, bà T là người yêu cầu giám định nên bà T phải chịu chi phí tố tụng (số tiền này bà T đã nộp đủ và đã được Tòa án nhân dân huyện Đ quyết toán xong).

[7]. Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L sinh ngày 22/3/1960 tính đến ngày xét xử phúc thẩm bà L đã đủ 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà L là phù hợp.

Bị đơn bà Đồng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 127.372.000đ x 5% = 6.368.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, Lphí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đồng Thị T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DSST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân mua bán tài sản*" đối với bị đơn bà Đồng Thị T.

Buộc bà Đồng Thị T có trách nhiệm trả cho Nguyễn Thị L số tiền 127.372.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đồng Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền 11.623.500đ.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Đồng Thị T phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) chi phí giám định chữ viết, chữ ký (số tiền này bà Tđã nộp đủ và đã được Tòa án nhân dân huyện Đ quyết toán xong).

4. Về án phí: Bà Đồng Thị T phải chịu 6.368.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 582.000đ án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tổng cộng bà Tphải chịu 6.950.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003850 ngày 10/9/2019 và số tiền 582.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003750 ngày 05/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Tcòn phải nộp 6.068.000đ (Sáu triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 4.156.000đ (Bốn triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003690 ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ & THA;
- TAND H.Đam Rông;
- Chi cục thi hánh án dân sự H.Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thanh

- Ngày 09/3/2017, 150 bao cám quy ra thành tiền là 42.500.000đ;

- Ngày 14/4/2017, 150 bao cám quy ra thành tiền là 42.500.000đ;

- Ngày 27/5/2017, 100 bao cám 423 x 280,000đ/bao = 28.000.000đ và 50 bao x 290.000đ/bao = 14.500.000đ;

- Ngày 25/6/2017, 150 bao cám x 280.000đ/bao = 42.000.000;

- Ngày 26/8/2017, mua cám bắp quy ra thành tiền là 22.980.000đ. Trừ tiền mua gà 5.220.000đ bà Tcòn nợ lại bà Lsố tiền là 17.760.000đ; Cũng trong ngày 26/8/2017 mua thêm 70 bao cám gà thành tiền là 19.600.000đ, bà Ttrả trước 10.600.000đ, còn nợ lại 9.000.000đ. Tổng số tiền cám bà Tđã mua của bà Llà 196.260.000đ. Quá trình mua bán đến ngày 23/10/2017 bà Tcó trả thêm cho bà Lsố tiền 30.000.000đ. Bà Tcòn nợ lại bà Lsố tiền gốc là 166.260.000đ. Số tiền nợ này bà Lđã nhiều lần yêu cầu bà Ttrả nhưng bà Tkhông trả.

2.3. Nên bà Lkhởi kiện yêu cầu bà Tphải trả cho bà Lsố tiền nợ gốc là 166.260.000đ và khoản tiền lãi chậm trả từ tháng 8/2017 đến nay là 166.260.000đ x 1%/tháng x 23 tháng = 38.239.800đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 204.499.800đ, còn đối với việc bà Tyêu cầu bà Ltrả số tiền 11.623.500đ, thì bà Lkhông có nợ bà Tnên bà không chấp nhận.

2.4. Bà Tthừa nhận có mua cám của bà L08 lần với tổng số tiền là 251.260.000đ. Sau khi giao cám vài ngày là bà Tgom tiền trả cho bà Lệ, chỉ còn nợ lại 03 lần với số tiền nợ là 126.000.000đ. Bà Tđã trả cho vợ chồng ông Sáu, bà Lsố tiền 127.000.00đ, gồm 4 lần trả: (Lần 1: Trả cho bà L37.000.000đ; Lần 2: Trả cho bà L20.000.000đ; Lần 3: Trả cho ông Sáu chồng bà L40.000.000đ; Lần 4: Trả cho bà L20.000.000đ), các lần trả tiền đều không ghi giấy tờ sổ sách gì để theo dõi việc trả nợ nên bà Tkhông có tài liệu chứng cứ để cung cấp cho Tòa án và bà Lkhông thừa nhận. Bà Lcó mua gà của bà T06 lần với tổng số tiền là 10.623.500đ nhưng chưa Ttoán tiền. Tổng cộng bà Lcòn nợ lại bà Tsố tiền 11.623.500đ và bà Tcó yêu cầu phản tố yêu cầu bà LTtoán cho bà Tsố tiền 11.623.500đ.

`

Các Thẩm phán **Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn T